

Bản án số: **449/2026/DS-PT**

Ngày: 19-5-2026

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi.

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24/4/2026 và ngày 19/5/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2026/TLPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2026, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 324/2025/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 879/2026/QĐ-PT ngày 07 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Xuân M, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân M: Ông Phạm Ngọc D, sinh năm 1972 (có mặt); Địa chỉ: 2 khu phố H, phường M, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy ủy quyền ngày 25/8/2025.

2. Bị đơn:

2.1. Nguyễn Việt N, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp P, xã L, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Việt N: Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1981 (có mặt); Địa chỉ: Số D, L, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy ủy quyền ngày 15/4/2026.

2.2. Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Việt N, bà Nguyễn Thị Hữu .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân M uỷ quyền cho ông Phạm Ngọc D đại diện trình bày:** Trước ngày 18/12/2023, bà Nguyễn Thị Xuân M có bán cho vợ chồng ông Nguyễn Việt N và bà Nguyễn Thị H thức ăn gia cầm theo hình thức lấy hàng trước trả tiền sau. Việc mua bán không có hợp đồng bằng văn bản nhưng bà M có ghi sổ theo dõi từng lần mua hàng, số tiền thanh toán. Do có quen biết và tin tưởng nên bà M có cho vợ chồng ông N, bà H nợ tiền mua thức ăn gia cầm nhiều lần. Đến ngày 18/12/2023, hai bên tiến hành tổng kết nợ. Ông N, bà H còn nợ bà M số tiền 154.420.000 đồng. Bà M nhiều lần liên hệ với ông N, bà H yêu cầu thanh toán nhưng ông N, bà H không thanh toán và kéo dài cho đến nay. Bà M có gửi đơn ra Ủy ban nhân dân (UBND) xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang (cũ), Ủy ban xã tiến hành hoà giải nhưng không thành. Trước đó, ông N có đến nhà mượn bà M sổ sách ghi nợ để về đối chiếu, bà M tin tưởng đưa cho ông N nhưng ông N không trả lại. Tại biên bản về việc giải quyết mua bán thức ăn tại UBND xã P (cũ), ông N thừa nhận còn nợ 94.500.000 đồng.

Nay bà M yêu cầu: Buộc ông Nguyễn Việt N và bà Nguyễn Thị H liên đới trả cho bà M số tiền 94.500.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 18/12/2023 đến ngày 18/12/2025 là 02 năm, lãi suất 10%/năm, thành tiền là 18.900.000 đồng. Tổng cộng là 113.400.000 đồng. Trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- **Bị đơn ông Nguyễn Việt N và bà Nguyễn Thị H cùng uỷ quyền cho ông Trần Văn T đại diện trình bày:** Ông N, bà H không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo đơn khởi kiện nguyên đơn cho rằng nợ phát sinh từ năm 2020 đến 2023, thời điểm này gia đình không còn chăn nuôi gà nữa nên không có mua thức ăn, đồng thời phía nguyên đơn cũng không cung cấp được giấy biên nhận nợ hoặc giấy xác nhận nợ nào. Việc ông N trình bày tại biên bản giải quyết tại xã P cũ về việc bà M chốt sổ nợ năm 2020 đến 2023 mà không có ý kiến xác định thời gian cụ thể là do sơ suất, không am hiểu pháp luật chứ thực tế số nợ 94.500.000 đồng là trước năm 2020 và ông đã thanh toán xong. Ông N có nộp cho Tòa án vi bằng ghi nhận sự kiện có người làm chứng ông N, bà H không còn chăn nuôi khoảng năm 2018 và có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng mua bán vì đã hết và yêu cầu đình chỉ vụ án theo quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 324/2025/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Tháp (viết tắt là bản án sơ thẩm) đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân M.

Buộc ông Nguyễn Việt N và bà Nguyễn Thị H liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Xuân M số tiền 113.400.000 đồng.

2. Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án gửi Cơ quan Thi hành án dân sự, mà ông N, bà H không thanh toán hoặc chậm thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng, ông N, bà H còn phải trả cho bà M khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Việt N và bà Nguyễn Thị H phải liên đới chịu số tiền 5.670.000 đồng án phí.

- H1 lại cho bà Nguyễn Thị Xuân M số tiền 4.504.000 đồng theo biên lai số 0004125 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/01/2026, bị đơn ông Nguyễn Việt N và bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

- Bị đơn ông Nguyễn Việt N ủy quyền cho ông Nguyễn Hoàng A đại diện trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông N. Bởi các căn cứ như: Theo Vi bằng ngày 17/12/2025 ông N cung cấp cho Tòa án đã chứng minh ông N đã nghỉ chăn nuôi gà (gia cầm) từ năm 2018 không phải nghỉ năm 2023 như theo Đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân M. Sau khi nghỉ chăn nuôi gia cầm thì ông N đã quyết toán với bà M và đã trả đủ số tiền còn nợ 94.500.000 đồng vào năm 2018, khi đó bà M đã gạch sổ ghi nợ xong nhưng do bà M giữ sổ nên tiếp tục khởi kiện, còn ông N không có giữ sổ theo dõi mua hàng như trình bày của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân M uỷ quyền cho ông Phạm Ngọc D đại diện trình bày: Không thống nhất kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Việt N và bà Nguyễn Thị H, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông N và bà H. Bởi vì, khi quyết toán nợ thì ông N, bà H còn nợ bà M số tiền 154.420.000 đồng, do có quen biết và tin tưởng nên bà M cho ông N mượn sổ sách ghi nợ để về đối chiếu nhưng ông N không trả lại; Theo Biên bản về việc giải quyết mua bán thức ăn (chăn nuôi) ngày 15/4/2025 của UBND xã P thì ông N thừa nhận có mua thức ăn gia cầm của bà M và có nợ số tiền 94.500.000 đồng, vì vậy nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông N, bà H trả số tiền mà ông N đã thừa nhận nợ là 94.500.000 đồng và yêu cầu trả lãi chậm thanh toán. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thống nhất rút yêu cầu buộc ông N, bà H trả lãi chậm thanh toán với số tiền 18.900.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Việt N và bà Nguyễn Thị H thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Việt N và bà Nguyễn Thị H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 324/2025/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Tháp.

(Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm số: 792/PB-VKS-DS ngày 19/5/2026).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Tháp thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán*” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Việt N và bà Nguyễn Thị H không thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo. Việc ông N, bà H kháng cáo vào ngày 05/01/2026 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị H vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân M cho rằng bà có bán cho vợ chồng ông Nguyễn Việt N và bà Nguyễn Thị H thức ăn gia cầm theo hình thức lấy hàng trước trả tiền sau; việc mua bán không có hợp đồng bằng văn bản nhưng bà M có ghi sổ theo dõi từng lần mua hàng, số tiền thanh toán. Đến ngày 18/12/2023, hai bên tiến hành tổng kết nợ thì ông N, bà H còn nợ bà M số tiền 154.420.000 đồng. Bà M nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng ông N, bà H không thanh toán. Khi tranh chấp được hòa giải tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang (cũ) thì ông N thừa nhận còn nợ bà M 94.500.000 đồng nhưng đã thanh toán xong năm 2019, tuy nhiên ông không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông N và bà H liên đới trả cho bà M số tiền 94.500.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 18/12/2023 đến ngày 18/12/2025 là 02 năm, lãi suất 10%/năm, thành tiền là 18.900.000 đồng. Tổng cộng là

113.400.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Việt N và bà Nguyễn Thị H không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do ông N, bà H không còn chăn nuôi khoảng năm 2018, số tiền nợ bà M đã thanh toán xong năm 2019 và có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng mua bán vì đã hết và yêu cầu đình chỉ vụ án theo quy định.

Điều này làm phát sinh tranh chấp hợp đồng mua bán giữa các đương sự.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Việt N và bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân M buộc bị đơn ông Nguyễn Việt N và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà M số tiền mua thức ăn gia cầm còn nợ 94.500.000 đồng là có cơ sở, bởi lẽ theo Biên bản về việc giải quyết mua bán thức ăn (chăn nuôi) ngày 15/4/2025 của UBND xã P thì ông N thừa nhận có mua thức ăn gia cầm của bà M có nợ số tiền 94.500.000 đồng, ông N đã thanh toán xong nhưng ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của ông là có cơ sở. Việc ông N mua thức ăn gia cầm với mục đích chăn nuôi gà nhằm phục vụ cho phát triển kinh tế của gia đình, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông N và bà H có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà M là có căn cứ.

Việc Tòa án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Việt N và bà Nguyễn Thị H liên đới trả cho bà M tiền lãi đối với số tiền 94.500.000 đồng tính từ ngày 18/12/2023 đến ngày 18/12/2025 là 02 năm, lãi suất 10%/năm, thành tiền là 18.900.000 đồng. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đã rút yêu cầu buộc ông N, bà H trả lãi chậm thanh toán. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự và không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Hoàng A đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Việt N vẫn giữ yêu cầu kháng cáo của ông N. Hội đồng xét xử xét thấy trình bày của ông A là không đủ căn cứ, đồng thời bị đơn ông N và bà H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Việt N và bà Nguyễn Thị H, tuy nhiên cần sửa một phần bản án sơ thẩm về việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân M rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông N và bà H liên đới trả cho bà M tiền lãi đối với số tiền 18.900.000 đồng và sửa án phí dân sự sơ thẩm mà bị đơn phải chịu.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở, nên được xem xét chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Việt N và bà Nguyễn Thị H không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Việt N và bà Nguyễn Thị H;

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 324/2025/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Tháp do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân M rút yêu cầu về việc buộc ông Nguyễn Việt N và bà Nguyễn Thị H liên đới trả tiền lãi chậm thanh toán.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự; Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân M về việc buộc ông Nguyễn Việt N và bà Nguyễn Thị H liên đới trả cho bà Xuân M số tiền mua thức ăn gia cầm còn nợ là 94.500.000 đồng.

2.2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân M về việc buộc ông Nguyễn Việt N và bà Nguyễn Thị H liên đới trả tiền lãi đối với số tiền 94.500.000 đồng tính từ ngày 18/12/2023 đến ngày 18/12/2025 là 02 năm, lãi suất 10%/năm, thành tiền là 18.900.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Việt N và bà Nguyễn Thị H phải liên đới chịu số tiền 4.725.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- H1 lại cho bà Nguyễn Thị Xuân M số tiền 4.504.000 đồng, theo biên lai số 0004125 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Việt N và bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông N, bà H đã nộp là 600.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000116 (300.000 đồng) và số 0000118 (300.000 đồng) ngày 05/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. H1 lại cho ông N, bà H số tiền thừa 300.000 đồng.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng GDKTTT&THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực M - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực M - Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (Danh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tấn Lợi